

**DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2026**

STT	Tên dự án (MBQH)	Địa điểm thực hiện dự án	Diện tích theo quy hoạch (MBQH) (ha)	Tổng diện tích đất đầu giá (ha)	Tiền sử dụng đất dự kiến (triệu đồng)	Dự kiến chi phí GPMB và Đầu tư hạ tầng kỹ thuật (triệu đồng)	Tiền sử dụng dự kiến đất dự kiến thu được sau khi trừ chi phí GPMB và Đầu tư hạ tầng kỹ thuật (triệu đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	<b>TỔNG</b>	<b>10 dự án</b>	<b>31.17</b>	<b>7.37</b>	<b>405,469</b>	<b>151,230</b>	<b>254,239</b>	
1	Khu dân cư Đồng Năn thôn Lễ Nghĩa 2	Thôn Lễ Nghĩa 2	3.03	0.01	879	-	879	
2	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư, tái định cư tại ngã tư nút giao đầu tuyến đường từ thị trấn Thọ Xuân đi khu đô thị Lam Sơn - Sao Vàng	Thôn Cao Thành	4.67	0.17	36,175	-	36,175	
3	Khu dân cư TĐC đường Cầu Kè - thị trấn Thọ Xuân	Thôn Bắc Tiến	0.36	0.02	1,600	-	1,600	
4	Khu dân cư Đình Phú khu 3 (Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 17/01/2018)	Thn Quân Bình	3.97	0.09	1,500	-	1,500	
5	Khu dân cư đồng nghề thôn Cặng Nam (Quyết định số 43b/QĐ-UBND ngày 09/5/2019)	Thôn Cặng Nam	0.90	0.03	500	-	500	
6	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mở rộng TT Thọ Xuân	Thôn Đồng Thôn	2.50	1.54	123,440	15,000	108,440	
7	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư thôn Bái Trạch, xã Thọ Xuân	Thôn Bái Trạch	2.43	1.12	68,400	15,000	53,400	
8	Khu đô thị mới Xuân Trường, xã Thọ Xuân (Giai đoạn 1)	Thôn Xuân Phả 3,4	4.77	1.58	66,800	42,930	23,870	
9	Khu dân cư mới Xuân Giang phía Bắc đường từ Thọ Xuân đi Cảng Hàng Không	Thôn Bái Trạch	4.20	1.35	54,175	37,800	16,375	
10	Khu dân cư mới Xuân Thành, xã Thọ Xuân		4.34	1.46	52,000	40,500	11,500	